

ĐIỀU LỆ
LIÊN ĐOÀN VÕ THUẬT TỔNG HỢP VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNV ngày tháng 9 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Liên đoàn Võ thuật tổng hợp Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Mixed Martial Arts Federation.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VMMAF.
4. Liên đoàn có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Liên đoàn Võ thuật tổng hợp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Liên đoàn) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Võ thuật tổng hợp hoặc hoạt động có liên quan và yêu thích tập luyện, có đóng góp cho sự phát triển môn Võ thuật tổng hợp Việt Nam.

2. Liên đoàn hoạt động nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết các tổ chức, công dân Việt Nam trong xã hội tích cực tham gia tập luyện, thi đấu môn thể thao Võ thuật tổng hợp để rèn luyện thể chất, ý chí, phẩm chất đạo đức; xây dựng văn hóa võ thuật phù hợp với thể trạng và văn hóa người Việt Nam, hạn chế và kiểm soát mức độ bạo lực của môn Võ thuật tổng hợp, an toàn cho người tập luyện và thi đấu; phát triển tài năng võ thuật tổng hợp, nâng cao thành tích và vị thế của môn Võ thuật tổng hợp trên đấu trường quốc tế; góp phần phát triển môn Võ thuật tổng hợp nói riêng và thể thao của nước nhà nói chung, tăng cường giao lưu, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Liên đoàn có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên đoàn được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở của Liên đoàn đặt tại số 101 đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động

1. Liên đoàn hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực thể thao Võ

thuật tổng hợp theo quy định của pháp luật.

2. Liên đoàn chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; sự quản lý của các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

3. Liên đoàn được gia nhập làm thành viên của Ủy ban Olympic Việt Nam, được gia nhập làm tổ chức thành viên của Liên đoàn Võ thuật tổng hợp thế giới hoặc tổ chức Võ thuật tổng hợp quốc tế theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 6. Tính pháp lý của ngôn ngữ

Ngôn ngữ chính thức của Liên đoàn là tiếng Việt, ngôn ngữ giao dịch quốc tế chính thức là tiếng Anh. Các văn kiện, văn bản chính thức được thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự không thống nhất trong việc hiểu các văn bản thì văn bản bằng tiếng Việt là căn cứ chuẩn.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Tuyên truyền đường lối, quan điểm công tác thể dục thể thao của Đảng và Nhà nước, lợi ích, tác dụng của việc tập luyện thể dục thể thao nói chung và tập luyện Võ thuật tổng hợp nói riêng với sức khỏe và giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần thể thao cao thượng cho người tập.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Liên đoàn, phổ biến kiến thức, giáo dục hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Liên đoàn, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Tham gia với các cơ quan của Nhà nước tổ chức phổ biến kiến thức, phương pháp tập luyện, tổ chức thi đấu, hoàn thiện hệ thống thi đấu môn Võ thuật tổng hợp từ cơ sở đến toàn quốc; tổ chức quản lý tập luyện và điều hành các giải thi đấu quốc gia sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý nhà nước; ban hành và thống nhất toàn bộ hệ thống luật thi đấu cho môn Võ thuật

tổng hợp Việt Nam hạn chế tính bạo lực, an toàn cho người tập luyện, thi đấu và phù hợp với văn hóa võ thuật Việt Nam.

4. Xây dựng kế hoạch phát triển và mở rộng môn Võ thuật tổng hợp tới đối tượng không chuyên, đặc biệt là lực lượng thanh, thiếu niên và học sinh, sinh viên nhằm nâng cao tinh thần rèn luyện sức khỏe, xây dựng và phát huy tinh thần thượng võ của dân tộc.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng các huấn luyện viên, hướng dẫn viên, trọng tài, vận động viên và các chủ thể khác tham gia vào hoạt động võ thuật tổng hợp. Tổ chức xét, cấp giấy chứng nhận cho các thành viên tham gia hoàn thành các lớp đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; cấp thẻ thi đấu, thẻ trọng tài, giấy chứng nhận kết quả thi đấu và các giấy chứng nhận khác theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan quản lý thể dục thể thao tuyển chọn vận động viên đội dự tuyển, đội tuyển quốc gia làm nhiệm vụ thi đấu trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động võ thuật tổng hợp.

8. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn, hiện đại hóa theo hướng phát triển của Võ thuật tổng hợp thế giới.

9. Xây dựng và triển khai kế hoạch hợp tác quốc tế, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

10. Huy động các nguồn lực xã hội để thúc đẩy, phát triển môn Võ thuật tổng hợp trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

11. Phong cấp, khen thưởng, kỷ luật đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài và các cá nhân, tổ chức thành viên của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

12. Kiến nghị và đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề: chủ trương, chính sách, chế độ, biện pháp nhằm động viên, khuyến khích phát triển phong trào môn Võ thuật tổng hợp.

13. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, cùng với các địa phương, đơn vị, tổ chức khảo sát, tư vấn, thiết kế xây dựng các cơ sở phục vụ cho việc tập luyện, phát triển phong trào, nâng cao thành tích thi đấu, đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, quy định quốc tế và đảm bảo về vệ sinh, môi trường.

Điều 8. Quyền hạn

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Liên đoàn đã được cơ quan nhà nước

có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn.

3. Đại diện cho hội viên trong các quan hệ trong nước và ngoài nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Liên đoàn và hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn; hòa giải tranh chấp trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực, phạm vi hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

8. Thành lập pháp nhân thuộc Liên đoàn phù hợp với lĩnh vực hoạt động, tôn chỉ, mục đích và theo quy định của pháp luật.

9. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển và lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn theo quy định của Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

11. Được gây quỹ Liên đoàn trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

12. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

13. Liên đoàn được gia nhập là tổ chức thành viên của Ủy ban Olympic Việt Nam, các Liên đoàn, tổ chức Võ thuật tổng hợp quốc tế; được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý nhà nước về

ngành, lĩnh vực Liên đoàn hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Liên đoàn về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Liên đoàn gồm: hội viên chính thức và hội viên danh dự.
 - a) Hội viên chính thức: tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Liên đoàn, tự nguyện gia nhập Liên đoàn có thể trở thành hội viên chính thức của Liên đoàn;
 - b) Hội viên danh dự: tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Liên đoàn nhưng có nhiều đóng góp cho sự phát triển của môn Võ thuật tổng hợp tại Việt Nam, tán thành Điều lệ Liên đoàn, tự nguyện gia nhập Liên đoàn, được Liên đoàn công nhận là hội viên danh dự.
2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:
 - a) Hội viên tổ chức: các Hội, Liên đoàn, Câu lạc bộ, tổ chức Võ thuật tổng hợp ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức đang hoạt động hoặc có hoạt động liên quan đến môn Võ thuật tổng hợp Việt Nam được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật. Người đại diện hội viên tổ chức phải là công dân Việt Nam có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động của hội viên trong hoạt động của Liên đoàn;
 - b) Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam là huấn luyện viên, vận động viên và các cá nhân khác có đủ năng lực hành vi dân sự hoạt động trong lĩnh vực môn Võ thuật tổng hợp, yêu thích tập luyện, có đóng góp cho sự phát triển môn Võ thuật tổng hợp Việt Nam.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Được Liên đoàn cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn, được tham gia các hoạt động do Liên đoàn tổ chức.
2. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn. Được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, biểu quyết các vấn đề trong chương trình nghị sự của các kỳ Đại hội Liên đoàn; đóng góp ý kiến, phê bình các cá nhân và Ban lãnh đạo của Liên đoàn.
3. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn.
4. Được ưu tiên sử dụng các phương tiện tập luyện, thi đấu thông tin khoa học về chuyên môn và các loại hình dịch vụ khác của Liên đoàn.

5. Được tổ chức các giải thi đấu và sự kiện do Liên đoàn cấp phép hoặc ủy quyền.

6. Cử vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài, hội viên tham gia các hoạt động và các cuộc thi đấu do Liên đoàn tổ chức.

7. Được cấp giấy chứng nhận hội viên của Liên đoàn.

8. Được Liên đoàn bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật; được khen thưởng khi có thành tích theo quy định của Liên đoàn.

9. Được giới thiệu hội viên mới.

10. Được ra khỏi Liên đoàn khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

11. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Liên đoàn và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra Liên đoàn.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, các quy định và quy chế của Liên đoàn.

2. Bảo vệ uy tín của Liên đoàn, không nhân danh Liên đoàn trong các quan hệ giao dịch khi chưa được lãnh đạo Liên đoàn phân công bằng văn bản.

3. Đóng hội phí theo quy định của Liên đoàn.

4. Tôn trọng và chấp hành Luật, Điều lệ của các tổ chức thể thao quốc tế mà Liên đoàn là thành viên.

5. Tích cực tham gia các hoạt động của Liên đoàn, đóng góp hiệu quả vào việc phát triển và nâng cao trình độ, thành tích môn Võ thuật tổng hợp.

6. Thường xuyên củng cố, phát triển tổ chức và các cơ sở hoạt động về môn Võ thuật tổng hợp ở đơn vị, địa phương.

7. Tổ chức các hoạt động cho hội viên tại các Câu lạc bộ và tổ chức tương đương khác ở địa phương, cơ sở theo đúng Điều lệ của tổ chức và pháp luật của Nhà nước.

8. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Liên đoàn.

Điều 12. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Liên đoàn

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Điều kiện gia nhập Liên đoàn: tổ chức và công dân Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này muốn gia nhập Liên đoàn phải nộp hồ sơ xin gia nhập Liên đoàn, hồ sơ gồm:

- Đơn xin gia nhập Liên đoàn;

- Bản sao công chứng giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với hội viên cá nhân);

- Bản sao công chứng Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và văn bản cử đại diện của tổ chức tham gia Liên đoàn (đối với hội viên tổ chức);

- Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Liên đoàn và các quy định có liên quan khác (do Ban Thường vụ Liên đoàn quy định).

b) Theo Nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Liên đoàn ra quyết định công nhận hội viên mới.

2. Thủ tục hội viên ra khỏi Liên đoàn:

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Liên đoàn làm đơn gửi Ban Thường vụ Liên đoàn. Trước khi có quyết định chính thức, hội viên đó phải có trách nhiệm giải quyết xong mọi vấn đề liên quan đến Liên đoàn, tổ chức và hội viên khác của Liên đoàn. Quyền và nghĩa vụ hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Thường vụ Liên đoàn thông báo chấp thuận;

b) Ban Thường vụ Liên đoàn xem xét, quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Liên đoàn trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ và các quy định của Liên đoàn, làm tổn hại đến quyền lợi, uy tín và sự đoàn kết của Liên đoàn;

- Đối với hội viên tổ chức: bị đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Đối với hội viên cá nhân: bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật;

- Không đóng hội phí 01 (một) năm hoặc không sinh hoạt liên tục 06 (sáu) tháng, không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của hội viên mà không có lý do chính đáng.

c) Hội viên của Liên đoàn đương nhiên không còn là hội viên của Liên đoàn trong các trường hợp sau:

- Đối với hội viên tổ chức: tuyên bố giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

- Đối với hội viên cá nhân: mất năng lực hành vi dân sự, tuyên bố mất tích hoặc chết.

d) Sau khi Ban Thường vụ Liên đoàn xem xét, quyết định, Chủ tịch Liên đoàn có trách nhiệm ra quyết định chấm dứt tư cách hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Liên đoàn

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chức năng.
6. Các tổ chức trực thuộc Liên đoàn được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành trở lên yêu cầu bằng văn bản hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Liên đoàn;
- b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Liên đoàn (nếu có);
- c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và Báo cáo tài chính của Liên đoàn;
- d) Quyết định số lượng và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;
- đ) Các nội dung khác vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành;
- e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành Liên đoàn

1. Ban Chấp hành Liên đoàn do Đại hội bầu trong số các hội viên của Liên đoàn. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Chấp hành Liên đoàn:

- a) Tổ chức triển khai, giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Liên đoàn, lãnh đạo mọi hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ

Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác và kế hoạch tài chính hàng năm của Liên đoàn;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên đoàn. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Liên đoàn; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Liên đoàn phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra khi khuyết số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định;

e) Quyết định các vấn đề khen thưởng, kỷ luật của Liên đoàn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành Liên đoàn:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành tham dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên đoàn;

đ) Các ủy viên Ban Chấp hành vắng mặt tại 02 (hai) kỳ họp liên tiếp mà không có lý do chính đáng sẽ bị xóa tên khỏi danh sách Ban Chấp hành theo quyết định của Ban Chấp hành. Trước khi bị xóa tên khỏi danh sách Ban Chấp hành, cá nhân phải có trách nhiệm bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính cho Liên đoàn.

Điều 16. Ban Thường vụ Liên đoàn

1. Ban Thường vụ Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Liên đoàn gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Ban Thường vụ có quyền hạn và nhiệm vụ:

- a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;
- b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;
- c) Quyết định thành lập, giải thể các ban chức năng và các tổ chức, đơn vị trực thuộc Liên đoàn theo nghị quyết của Ban Chấp hành;
- d) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Liên đoàn;
- đ) Quyết định tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học;
- e) Quyết định những công việc cấp bách của Liên Đoàn;
- g) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành đề ra chương trình công tác ngắn hạn, dài hạn;

Tùy theo tình hình thực tế, Ban Thường vụ cử ra Thường trực để giúp việc Ban Thường vụ. Thường trực chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ về nhiệm vụ được giao.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

- a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;
- b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 03 (ba) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên đoàn hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;
- c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ tham dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;
- d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên đoàn.

Điều 17. Ban Kiểm tra Liên đoàn

1. Ban Kiểm tra Liên đoàn gồm các ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

- a) Bầu Trưởng ban và Phó trưởng ban Kiểm tra;
- b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế,

các hoạt động kinh tế, tài chính và các hoạt động khác của Liên đoàn trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Liên đoàn, hội viên;

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Liên đoàn;

d) Tuỳ tính chất của từng vụ việc, Ban Kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành hoặc trình Đại hội Liên đoàn xem xét, quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

a) Ban Kiểm tra hoạt động theo nguyên tắc độc lập, làm việc theo chế độ tập thể;

b) Chịu trách nhiệm trước Liên đoàn về công tác kiểm tra của Liên đoàn;

c) Hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

d) Ban Kiểm tra mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm tra Liên đoàn hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra; hình thức họp tập trung hoặc trực tuyến qua mạng điện tử;

đ) Các quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm tra.

Điều 18. Chủ tịch Liên đoàn

1. Chủ tịch Liên đoàn là người đại diện trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn. Tiêu chuẩn Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Liên đoàn:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Liên đoàn, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Liên đoàn theo quy định Điều lệ Liên đoàn; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Liên đoàn;

đ) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Liên đoàn được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Liên đoàn.

Điều 19. Phó Chủ tịch Liên đoàn

1. Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành quy định.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Liên đoàn phụ trách một số mặt công tác của Liên đoàn theo sự phân công của Chủ tịch Liên đoàn; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên đoàn và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Liên đoàn phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Liên đoàn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổng thư ký

Tổng thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ (có thể kiêm hoặc không kiêm Chánh Văn phòng), có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Là người phát ngôn chính thức của Liên đoàn theo sự phân công của Chủ tịch;

2. Là người giúp Chủ tịch giải quyết các công việc theo sự phân công của Chủ tịch;

3. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp, đôn đốc, báo cáo và cập nhật tình hình kết quả hoạt động của Liên đoàn.

4. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch Liên đoàn phân công phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn.

Điều 21. Văn phòng, các ban chức năng và tổ chức trực thuộc

1. Văn phòng Liên đoàn được thành lập theo quyết định của Ban Thường vụ, là bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ban Thường vụ trong điều hành, quản lý hoạt động Liên đoàn. Các nhân viên Văn phòng Liên đoàn được tuyển dụng và làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Lao động và theo quy định của Liên đoàn.

2. Theo nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn quyết định thành lập các ban chức năng như sau:

a) Ban chuyên môn

b) Ban Tài chính và vận động tài trợ;

c) Ban Pháp chế, Khen thưởng, Kỷ luật;

d) Ban Truyền thông và Đối ngoại;

đ) Các Ban khác và các tổ chức trực thuộc khi có nhu cầu sẽ được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

3. Liên đoàn được đặt văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật để triển khai công tác của Liên đoàn. Chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của văn phòng đại diện Liên đoàn do Ban Thường vụ Liên đoàn ban hành theo quy định của Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

4. Các ban chức năng và các đơn vị trực thuộc Liên đoàn được thành lập theo quy định của Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật, có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Liên đoàn về hoạt động thuộc lĩnh vực đơn vị mình phụ trách, hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ Liên đoàn quy định. Ban Thường vụ quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng, các ban chức năng và tổ chức trực thuộc Liên đoàn theo Nghị quyết của Ban Chấp hành.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đổi tên và giải thể Liên đoàn

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Liên đoàn thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 23. Tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Tài chính của Liên đoàn:

a) Nguồn thu của Liên đoàn:

- Lệ phí gia nhập Liên đoàn, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Liên đoàn:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Liên đoàn theo quy định của Ban Chấp hành Liên đoàn phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Liên đoàn:

Tài sản của Liên đoàn bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Liên đoàn. Tài sản của Liên đoàn được hình thành từ nguồn kinh phí của Liên đoàn; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Tài chính, tài sản của Liên đoàn chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Liên đoàn.

2. Tài chính, tài sản của Liên đoàn khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Liên đoàn ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn đảm bảo nguyên tắc tự chủ, công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Liên đoàn, có thành tích xuất sắc được Liên đoàn khen thưởng hoặc được Liên đoàn đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Liên đoàn, vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Liên đoàn thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, phạt tiền, tước quyền sinh hoạt có thời hạn hoặc khai trừ ra khỏi Liên đoàn.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn

1. Chỉ có Đại hội Liên đoàn Võ thuật tổng hợp Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, để cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên đoàn Võ thuật tổng hợp Việt Nam gồm 08 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội thành lập Liên đoàn Võ thuật tổng hợp Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2020 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Liên đoàn, Ban Chấp hành Liên đoàn Võ thuật tổng hợp Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.